TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *M, ngày 03 tháng 8 năm 2018*

Số: **199**/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 490/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa:

1/ ***Nguyên đơn:*** **Chị Đặng Thanh T**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ ***Bị đơn:*** **Anh Nguyễn Văn T1,** sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnhTiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 490/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Thanh T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Con chung: Giao cho chị Đặng Thanh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Trăm A, sinh ngày 29/7/2010. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền đến trông nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai ngăn cản.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí HNGĐ:

Chị Đặng Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0012852 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho chị T 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục Thi hành án DS TP M;
- Các đương sự;
- UBND xã T, TP M- TG Kết hôn năm 2010;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa